

QUYẾT ĐỊNH

**về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
ngành Hộ sinh trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học,

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học.
- Điều 2.** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2021 - 2022.
- Điều 3.** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *M*

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH HỘ SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HỘ SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2770 /QĐ-ĐHYD ngày 24/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Hộ sinh
 - Tên tiếng Anh: Midwife
4. Thông tin về kiểm định: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.
5. Trình độ đào tạo: Đại học
6. Ngành đào tạo: Hộ sinh
7. Mã ngành đào tạo: 7720302
8. Thời gian đào tạo: 04 năm
9. Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: chính quy
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Hộ sinh
 - Tên tiếng Anh: Bachelor of Midwife

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu Người học sau khi tốt nghiệp:	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và kiến thức chuyên ngành sức khỏe sinh sản trong cung cấp dịch vụ chăm sóc cho phụ nữ và trẻ em phù hợp với các yếu tố văn hóa của gia đình và cộng đồng.	x		

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có năng lực về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, ứng dụng tin học và ngoại ngữ để thực hành nghề nghiệp.			X
PEO 3	Có khả năng tổ chức và thực hiện hiệu quả việc sơ cứu, cấp cứu, dự phòng, phát hiện sớm và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án theo đúng quy định, sử dụng trang thiết bị y tế trong lĩnh vực hộ sinh an toàn và hiệu quả.		X	
PEO 4	Có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau sinh một cách toàn diện, có chất lượng cao, tư vấn giáo dục sức khỏe sinh sản phù hợp với yếu tố văn hóa và điều kiện kinh tế xã hội nhằm đảm bảo tốt nhất sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh.			
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, đủ năng lực phẩm chất để học liên tục, học lên các bậc học cao hơn về lĩnh vực Hộ sinh.	X		

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		<i>Chuẩn đầu ra chung</i>	<i>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</i>
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe sinh sản của phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng.		
PLO2	Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y		

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
	học lâm sàng trong công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng.		
PLO 3	Vận dụng được kiến thức và phương pháp luận khoa học trong thực hành nghề nghiệp để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng.		
II. Kỹ năng			
PLO 4	Thực hiện thành thạo các cấp cứu ban đầu, thủ thuật, kỹ thuật sản phụ khoa, quy trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng đảm bảo an toàn, hiệu quả, liên tục.		
PLO 5	Quản lý, vận hành và sử dụng được các trang thiết bị y tế trong phạm vi thực hành hộ sinh đúng mục đích, an toàn hiệu quả		
PLO 6	Thực hiện được một số phương pháp y học cổ truyền, phục hồi chức năng trong chăm sóc, dự phòng một số bệnh thông thường ở phụ nữ và trẻ em.		
PLO 7	Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, thực hành chuyên môn dựa trên bằng chứng để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng.		
PLO 8	Thực hiện có hiệu quả các kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng		
PLO 9	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để giao tiếp trong các tình huống cơ bản của đời sống và chuyên ngành. Đọc và tham khảo được các tài liệu thuộc chuyên ngành.		
PLO 10	Sử dụng thành thạo một số ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản: hệ điều hành, các phần mềm Microsoft Office (Microsoft Word,		

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
	Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), mạng máy tính và mạng Internet trong thực hành nghề nghiệp.		
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 11	Tự đánh giá và hoàn thiện bản thân; Xây dựng được kế hoạch học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp.		
PLO 12	Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với đồng nghiệp với tinh thần hợp tác và tác phong chuyên nghiệp.		
PLO 13	Có tinh thần trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt		

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PEO 1	X	X											
PEO 2	X		X				X		X	X			
PEO 3	X	X		X	X	X	X	X	X	X			
PEO 4	X	X		X	X	X	X	X					
PEO 5	X	X									X	X	X

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

* Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

* **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

* **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, hoặc xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán

* **Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu:** 50-100 sinh viên.

* **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Tổ chức tuyển sinh:** Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản và quy định hiện hành về tuyển sinh đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 28 tín chỉ (20,59%) (Không kể giáo dục Quốc phòng An ninh và Giáo dục thể chất)									
1.1. Học phần bắt buộc: 28 tín chỉ										
1	HCGD1012	Giáo dục thể chất 1	2 (0/2)	0	60	40				1
2	HCGD1021	Giáo dục thể chất 2	1 (0/1)	0	30	20				2
3	HCGD1014	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4 (0/4)	0	120	80				2
4	HCTH1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	30	0	70				1
5	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	45	0	105		HCTH 1013		3
6	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT 1012		5
7	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN1012		6

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS1012		7
9	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				2
10	HCTA1012	Tiếng Anh 1	2 (2/0)	30	0	70				1
11	HCTA1022	Tiếng Anh 2	2 (2/0)	30	0	70		HCTA1012		2
12	HCTA1032	Tiếng Anh 3	2 (2/0)	30	0	70		HCTA1022		3
13	HCTA1042	Tiếng anh 4	2 (2/0)	30	0	70		HCTA1032		4
14	HSTA1052	Tiếng anh 5	2 (2/0)	30	0	70	HCTA1042			5
15	HCTO1012	Tin học	2 (0/2)	0	60	40				2
16	HSKH1013	Khoa học cơ bản	3 (2/1)	30	30	90				1
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 41 tín chỉ (30,15%)									
2.1. Học phần bắt buộc: 39 tín chỉ (28,68%)										
17	HCYH1214	Y học cơ sở 1	4 (2/2)	30	60	110			HCYH1225	1
18	HCYH1225	Y học cơ sở 2	5 (4/1)	60	30	160			HCYH1214	1
19	HCYH1233	Y học cơ sở 3	3 (2/1)	30	30	90	HCYH1214 HCYH1225			2
20	HCHA1212	Hệ tim mạch	2 (1,7/0,3)	25	10	65	HCYH1225			2
21	HCHO1212	Hệ hô hấp	2 (1,3/0,7)	20	20	60	HCYH1233			2
22	HCHT1212	Hệ tiêu hóa	2 (1,3/0,7)	20	20	60	HCYH1233			3
23	HCHU1212	Hệ tiết niệu	2 (1,5/0,5)	22,5	15	60	HCYH1233			3
24	HCHC1212	Hệ Da - Cơ - Xương - Khớp	2 (1,3/0,7)	20	20	60	HCYH1233			3
25	HCHS1213	Hệ nội tiết – Sinh sản	3 (2,5/0,5)	37,5	15	95	HCYH1233			4
26	HCHK1212	Hệ thần kinh	2 (1,7/0,3)	25	10	65	HCYH1233			4
27	HCTC1213	Tính chuyên nghiệp	3 (3/0)	45	0	55				3
28	HCDT1212	Dịch tế học	2 (1/1)	15	30	55	HCYH1233			4
29	HCPP1212	PPNCKH	2 (1/1)	15	30	55				5
30	HSDD1212	Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và sau sinh	2 (1/1)	15	30	55				4
31	HSSK1213	Sức khỏe nghề nghiệp - Truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe	3 (2/1)	30	30	90				6
2.2. Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (1.47%) (chọn 1 trong 3 học phần)										
32.1	HCKS1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55		HCYH1233 HSCS1414 HSCO1414		7
32.2	HSTH1312	Tin học ứng dụng	2 (1/1)	15	30	55				7
32.3	HCTC1312	Tổ chức & Quản lý y tế -	2 (2/0)	30	0	70				7

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		Chương trình y tế quốc gia – Dân số								
III	Khôi kiến thức chuyên ngành: 63 tín chỉ (46,32%)									
3.1. Học phần bắt buộc: 55 tín chỉ (40,44%)										
33	HSQL1413	Quản lý hộ sinh	3 (2/1)	30	30	90				4
34	HSDD1412	Điều dưỡng cơ bản	2 (0/2)	0	60	40				3
35	HSHL1413	Huấn luyện kỹ năng Hộ sinh	3 (0/3)	0	90	60			HSDD1412	3
36	HSCS1412	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2 (0/2)	0	60	40		HSHL1413		5
37	HSCS1414	Chăm sóc phụ nữ trước sinh	4 (2/2)	30	60	110		HSHL1413		4
38	HSCO1414	Chăm sóc phụ nữ chuyên dạ	4 (2/2)	30	60	110		HSCS1414		5
39	HSCC1414	Chăm sóc sau sinh	4 (2/2)	30	60	110			HSCO1414	5
40	HSSK1413	Sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên	3 (1/2)	15	60	75		HSHL1413		6
41	HSPK1414	Phụ khoa, tiền mãn kinh, mãn kinh	4 (2/2)	30	60	110		HSHL1413		6
42	HSSK1412	Sức khỏe tâm thần phụ nữ thời kỳ sinh sản	2 (1/1)	15	30	55		HSCO1414		7
43	HSDS1414	Dân số - KHHGD	4 (2/2)	30	60	110				7
44	HSCU1414	Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi	4 (1/3)	15	90	95		HSDD1412; HSCC1414		8
45	HSCB1414	Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con	4 (2/2)	30	60	110		HSYH1233		8
46	HSTH1414	Thực hành sản phụ khoa 1	4 (0/4)	0	120	80		HSCC1414 HSPK1414		6
47	HSTH1424	Thực hành sản phụ khoa 2	4 (0/4)	0	120	80		HSTH1414		8
48	HSBS1312	Hồi sức cấp cứu	2 (1/1)	15	30	55		HSBH1412		6
49	HSBH1412	Bệnh học	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413		5
3.2. Học phần tự chọn: 8 tín chỉ (5,88%)										
50.1	HSDD1512	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	15	30	55				7
50.2	HSPH1512	Phục hồi chức năng	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413		7

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
50.3	HCYH1512	Y học cổ truyền	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413		7
50.4	HSCO1512	Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413		7
50.5	HSVS1512	Vô sinh	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413		7
50.6	HSCS1512	Chăm sóc giảm nhẹ	2 (1/1)	15	30	55		HSĐD1412		7
50.7	HSĐD1512	Điều dưỡng hộ gia đình	2 (1/1)	15	30	55		HSĐD1412		7
50.8	HSKL1714	Khoá luận TN	4 (0/4)	0	120	180				7-8
IV. TỐT NGHIỆP: 4 tín chỉ (2,94%)										
50	HSTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	180		Tất cả các học phần		8
Tổng số tín chỉ (giờ)			136 (75,3/60,7)	113 0	1821	3849				

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
Tiếng anh 1	Tiếng anh 2	Tiếng anh 3	Tiếng anh 4	Tiếng anh 5	SKSS vị thành niên- thanh niên		Kiến thức GDĐC
Y học cơ sở 1	Y học cơ sở 3	Tính chuyên nghiệp	Hệ nội tiết- Sinh sản- Chuyên hóa		Phụ khoa, tiền mãn kinh, mãn kinh	Tự chọn cơ sở ngành	Kiến thức cơ sở khối ngành
Y học cơ sở 2	Hệ tim mạch	Điều dưỡng cơ bản	Hệ thần kinh	Bệnh học			Kiến thức cơ sở ngành
	Hệ hô hấp	Điều dưỡng cơ bản	Hệ thần kinh		SKNN- TTGD&SK	SK tâm thần PN thời kỳ SS	Kiến thức chuyên ngành
		Hệ tiết niệu	Dịch tế học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Thực hành SPK 1		Thực tập tốt nghiệp
Khoa học cơ bản	Pháp luật đại cương	Hệ đa cơ-xương khớp	Chăm sóc phụ nữ trước sinh	Chăm sóc SKSS cộng đồng	Hồi sức cấp cứu	Dân số - KHHGD	CSSK TE dưới 5 tuổi
Triết học Mác - Lênin	Giáo dục quốc phòng	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và sau sinh	Chăm sóc phụ nữ chuyên đa		Tự chọn chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp
	Tin học	Hệ tiêu hóa	Quản lý hệ sinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học			Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Huấn luyện kỹ năng hộ sinh		Chăm sóc sau sinh	Lịch sử Đảng cộng sản VN	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thực hành SPK 2
Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành			
Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành			
19 TC	18 TC	18 TC	18 TC	18 TC	18 TC	18 TC	16 TC

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
HCGD1012	H										L	L	L
HCGD1021	H										M	M	M
HCGD1014	H										M	M	M
HCTH1013	M		M								L	L	L
HCKT1012	M		M								M	M	M
HCCN1012	M		M								M	M	M
HCLS1012	M		M								M	M	M
HCTT1012	M		M								M	M	M
HCPL1012	M		M								M	M	M
HCTA1012			M						M		L	L	L
HCTA1022			M						M		M	M	M
HCTA1032			M						M		M	M	M
HCTA1042			M						M		M	M	M
HSTA1052			M						M		M	M	M
HCTO1012		M	M							M	M	M	M
HSKH1013		M					L	L	L		L	L	L
HCYH1214		M					L	L			L	L	L
HCYH1225		M					L	L			L	L	L
HCYH1233		M					L	L			L	L	L
HCHA1212		H					M	M			M	M	M
HCHO1212		H					M	M			M	M	M
HCHT1212		H					M	M			M	M	M
HCHU1212		H					M	M			M	M	M
HCHC1212		H					M	M			M	M	M
HCHS1213		H					M	M			M	M	M
HCHK1212		H					M	M			M	M	M
HCTC1213								M			M	M	M
HCDT1212	M	H					M	M			M	M	M

Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
HCPP1212		M	M				M	M	M	M	M	M	M
HSDD1212	M	M					M	M			M	M	M
HSSK1213		M					M	M			M	M	M
HCKS1312		M					M	M			M	M	M
HSTH1312	M										M	M	M
HCTC1312		M		M			M	M			M	M	M
HSQL1413				M	M		M	M			M	M	M
HSĐD1412				M	M		M	M			M	M	M
HSHL1413				M				M			M	M	M
HSCS1412		H		M	M			M			M	M	M
HSCS1414		H		M	M			M			M	M	M
HSCO1414		H		M	M			M			M	M	M
HSCC1414		H		M	M			M			M	M	M
HSSK1413		H		M	M			M			M	M	M
HSPK1414		H		M	M			M			M	M	M
HSSK1412		H		M	M			M			M	M	M
HSDS1414		H		M	M			M			M	M	M
HSCU1414		H		M	M			M			M	M	M
HSCB1414		H		M	M			M			M	M	M
HSTH1414		H		H	H			H			H	M	M
HSTH1424		H		H	H			H			H	M	M
HSHS1312		H		M	M			M			M	M	M
HSBH1412		H		M	M			M			M	M	M
HSDD1512		M		M	M			M			M	M	M
HSPH1512		H		M	M	M		M			M	M	M
HCYH1512		M		M	M	M		M			M	M	M
HSCO1512		M		M	M			M			M	M	M
HSVS1512		M		M	M			M			M	M	M
HSCS1512		M		M	M			M			M	M	M
HSĐD1512		H		M	M			M			M	M	M

Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
HSKL1714		H		M	M			M	M	M	M	M	M
HSTT1614	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

		Phương pháp Dạy - Học			
		Thuyết trình	Thảo luận nhóm	Làm mẫu	Thực hành theo bảng kiểm
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	PLO 1	x	x		
	PLO 2	x	x		
	PLO 3	x	x		
	PLO 4	x		x	x
	PLO 5	x		x	x
	PLO 6	x		x	x
	PLO 7	x		x	x
	PLO 8	x		x	x
	PLO 9	x		x	x
	PLO 10	x			
	PLO 11	x			
	PLO 12	x			
	PLO 13	x			

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Ý thức học tập học phần lý thuyết và thực hành của sinh viên	10%
Thường xuyên	Thực hiện khi kết thúc 1/3 chương trình học tập	10%

	từng học phần, hoặc điểm pretest/đánh giá năng lực tự chủ	
Giữa học phần	Điểm trung bình cộng các bài thực hành, hoặc đối với học phần chỉ có lý thuyết khi học sinh học được 2/3 nội dung học phần	30%
Kết thúc học phần/module	Đủ điều kiện thi KTHP, học hết toàn bộ chương trình.	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

		Phương pháp đánh giá			
		Tự luận	MCQ	Bảng kiểm	Bài tập cá nhân
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	PLO 1	x	x		
	PLO 2	x	x	x	
	PLO 3	x			x
	PLO 4			x	x
	PLO 5			x	x
	PLO 6	x	x	x	x
	PLO 7			x	x
	PLO 8	x		x	x
	PLO 9	x	x		x
	PLO 10		x		x
	PLO 11	x	x		x
	PLO 12	x	x		x
	PLO 13	x	x		x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	Mc Master University (Canada)	Trường ĐHYD
	Tín chỉ	Tín chỉ	Tín chỉ	Tín chỉ
Kiến thức cơ bản	25	26	3	28
Kiến thức cơ sở ngành				41
Kiến thức chuyên ngành	103	90	132	63
Tự chọn	12	7	3	10
Tốt nghiệp	Có	Có	Không có	Có

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Tâm lý có ảnh hưởng lớn tới sức khỏe và cuộc sống người PN	Bổ sung học phần tư vấn hỗ trợ tâm lý cho PNCT
Nhà tuyển dụng	Phản hồi hành kỹ năng chăm sóc rất quan trọng	Tăng thời lượng giảng dạy thực hành môn chuyên ngành
Giảng viên	Rà soát số tín chỉ cho phù hợp từng khối kiến thức, phân sức khỏe môi trường- nghề nghiệp rất quan trọng	Điều chỉnh, bổ sung

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần: Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin thuộc học phần kiến thức cơ bản bắt buộc có 3 tín chỉ. Là học phần tiên quyết cho học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần gồm 3 Chương: chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội ; Chương II trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề cơ bản về vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương III trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Học phần nhằm đáp ứng CDR 1 ; CDR 3; CDR 11 ; CDR 12; CDR 13.

2. Học phần: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ I, II năm thứ hai. Là học phần tiên quyết cho học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Học phần nhằm đáp ứng CDR 1; CDR 3; CDR 11; CDR 12; CDR 13.

3. Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc được giảng dạy ở năm thứ 2,3. Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (Quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Học phần nhằm đáp ứng CĐR 1; CĐR 3; CĐR 11; CĐR 12; CĐR 13.

4. Học phần: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc học phần bắt buộc được giảng dạy ở học kỳ 1, 2 năm thứ 3. Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Qua đó khẳng định những thành công và vấn đề còn hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn công tác. Học phần nhằm đáp ứng CĐR 1; CĐR3; CĐR 11; CĐR 12; CĐR 13.

5. Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ II năm thứ 4 nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nội dung của môn học gồm 6 chương. Cụ thể: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Học phần nhằm đáp ứng CĐR 1; CĐR 3; CĐR 11; CĐR 12; CĐR 13.

6. Học phần: Giáo Dục quốc phòng

Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến

hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

7. Học phần: Giáo dục thể chất 1

Học phần giáo dục thể chất 1 bao gồm 02 tín chỉ thực hành, thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất, gồm 02 môn thể thao đó là Nhảy cao và Bóng chuyền nhằm đáp ứng CĐR 2, 11, 12, 13 trong chuẩn đầu ra chương trình Hộ sinh. Do vậy học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật của môn Nhảy cao và các kỹ thuật của môn Bóng chuyền. Giúp sinh viên có khả năng vận dụng động tác kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của môn Nhảy cao, môn Bóng chuyền vào tập luyện và thi đấu nhằm nâng cao thể chất, tính linh hoạt cũng như lòng dũng cảm cho sinh viên.

8. Học phần: Giáo dục thể chất 2

Học phần giáo dục thể chất 2 bao gồm 01 tín chỉ thực hành, thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Môn học ở học phần này là môn Bóng rổ do vậy học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật của môn Bóng rổ. Giúp sinh viên có khả năng vận dụng động tác kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của môn Bóng rổ vào tập luyện và thi đấu nhằm nâng cao thể chất, tính linh hoạt cũng như lòng dũng cảm cho sinh viên.

9. Học phần: Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương thuộc học phần cơ bản bắt buộc, được giảng dạy ở năm thứ 1, 2, 3. Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật phòng chống tham nhũng. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật cũng như vận dụng kiến thức pháp luật trong quá trình thực hiện pháp luật và xây dựng pháp luật. Học phần nhằm đáp ứng CĐR 1; CĐR 3; CĐR 11; CĐR 12, CĐR 13.

10. Học phần: Tiếng Anh 1

Học phần tiếng Anh 1 thuộc chương trình đào tạo dành cho ngành Hộ sinh gồm có 4 bài, được giảng dạy vào học kỳ I năm thứ nhất với số lượng 02 tín chỉ. Học phần này cung cấp cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, thể bị động của thì hiện tại đơn, giới từ, và câu so sánh. và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành hộ sinh liên quan đến các chủ đề như: các khoa phòng, trang thiết bị trong bệnh viện, nghề điều dưỡng và hộ sinh, cơ thể người và các dấu hiệu, triệu chứng bệnh. Điều này giúp sinh viên tích lũy được từ vựng đồng thời củng cố nền tảng ngữ pháp để tiếp tục học các học phần tiếp theo của chương trình tiếng Anh chuyên ngành hộ sinh. Thông qua các bài học, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp. Học phần này rất cần thiết cho các học phần tiếp theo do cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần tiếp theo.

11. Học phần: Tiếng Anh 2

Học phần tiếng Anh 2 thuộc chương trình đào tạo dành cho ngành Hộ sinh với số lượng 02 tín chỉ, gồm có 4 bài được giảng dạy vào học kỳ II năm thứ nhất. Học phần này cung cấp từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề điều dưỡng, hộ sinh; các công việc của người điều dưỡng và hộ sinh như hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc,

tư vấn chế độ dinh dưỡng cho sản phụ, hệ sinh sản nữ, đồng thời giới thiệu các từ vựng, cấu trúc xuất hiện trong nội dung bài học, các hiện tượng ngữ pháp về cách đặt câu hỏi mở, đóng, phân biệt cách dùng của thì tương lai đơn và tương lai gần, danh từ đếm được và không đếm được, mệnh đề quan hệ... Thông qua các bài học, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp của người hộ sinh. Học phần này rất cần thiết cho học phần tiếp theo do sự gợi nhớ, phát triển và tổng hợp các kiến thức nền tảng cho việc phát triển kỹ năng sau này.

12. Học phần: Tiếng Anh 3

Học phần tiếng Anh 3 thuộc chương trình đào tạo dành cho ngành Hộ sinh được giảng dạy vào học kỳ I năm thứ hai với số lượng 02 tín chỉ. Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cấu trúc ngữ pháp về động từ khuyết thiếu để đưa ra lời khuyên, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, câu bị động (đối với thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn), câu điều kiện loại 1, tính từ đuôi -ing, đuôi -ed và từ vựng liên quan đến chăm sóc sản phụ trước sinh, trong khi sinh, sau khi sinh và chăm sóc trẻ sơ sinh trong thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

13. Học phần: Tin học đại cương

Học phần Tin học đại cương bao gồm 2 tín chỉ thực hành thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản được giảng dạy ở năm thứ nhất nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,7,8,10,11,12,13 của chương trình đào tạo Hộ sinh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về máy tính cơ bản. Giúp sinh viên có khả năng sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản như: các thao tác trên máy tính, hệ điều hành, các phần mềm ứng dụng Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), mạng máy tính và mạng Internet. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và khai thác lợi ích và tài nguyên của mạng Internet trong sưu tầm tài liệu học tập.

14. Học phần: Phương pháp Nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc, được giảng dạy vào học kỳ 2 của chương trình đào tạo Hộ sinh trình độ đại học. Học phần này giúp sinh viên có khả năng vận dụng được các kiến thức và phương pháp luận khoa học để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng. Học phần đáp ứng các chuẩn đầu ra 3, 7, 8, 9, 10,11,12,13 của chương trình đào tạo. Với 2 tín chỉ (01 lý thuyết và 01 thực hành), học phần sẽ cung cấp kiến thức và giúp cho sinh viên có cơ hội thực hành để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và sử dụng thông tin trong nghiên cứu khoa học để thực hành học lâm sàng và thực hành nghề nghiệp.

15. Module1. Khoa học cơ bản

Module Khoa học cơ bản bao gồm 03 tín chỉ (trong đó có 02 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành) được giảng dạy ở học kỳ II cho đối tượng cử nhân Hộ sinh nhằm đáp ứng CDR 2,7,8,9,11,12,13 trong chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Hộ sinh. Module cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất của di truyền y học, lý sinh y học, hóa học ứng dụng trong y học nhằm giải thích kiến thức cho các học phần liên quan như hóa sinh, vệ sinh dịch tễ, vi sinh, sinh lý bệnh Là cơ sở để phục vụ và giải thích cho các quá trình biến đổi chất trong cơ thể, các quá trình trong tự nhiên có liên quan đến dinh dưỡng, tạo cơ sở để sinh viên học tiếp các module Y học cơ sở và lâm sàng. Module KHCN bao gồm các nội dung: đặc điểm bộ NST của người; đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học NST; các quy luật di truyền, phần lý sinh y học, hoá học sử dụng các kiến thức và quy luật vật lý, hoá học để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động

lực của các quá trình sống, giải thích cho các quá trình biến đổi chất trong cơ thể, nghiên cứu ảnh hưởng, tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các kỹ thuật y học hiện đại trên lâm sàng. Nội dung của module là những kiến thức cơ bản tạo nền tảng cơ sở khoa học giúp người học giải thích được các phát triển bất thường, hỗ trợ công tác tư vấn dự phòng, chẩn đoán và điều trị,

16. Module 2. Y học cơ sở 1

Module Y học cơ sở 1 có 4 tín chỉ (2/2), được dạy- học ở học kì 1 năm 1 trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Học phần này không yêu cầu môn học tiên quyết. Module Y học cơ sở 1 mô tả cấu trúc đại thể và vi thể bình thường và bất thường của các tế bào, mô, 8 hệ cơ quan trong cơ thể, giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các mô trong cơ thể người. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý của các cơ quan thường gặp; giải thích được cơ sở của các liệu pháp chăm sóc và dự phòng một số bệnh lý các cơ quan thường gặp, tạo nền tảng cho các năm học tập lâm sàng và thực hành nghề nghiệp. Quá trình học module này giúp sinh viên hình thành kỹ năng tự học và học suốt đời.

Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,7, 8, 11, 12, 13 của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh.

17. Module 3. Y học cơ sở 2

Module Y học cơ sở 2 gồm 5 tín chỉ, được dạy học ở học kỳ 3 năm thứ hai của Chương đào tạo hộ sinh. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR2, CĐR7, CĐR8, CĐR11, CĐR12, CĐR13 của Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh về vận dụng những kiến thức Y Dược học cơ sở trong cung cấp các dịch vụ y tế cho chăm sóc và dự phòng một số bệnh thường gặp ở phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng, đồng thời phân tích được một số xét nghiệm cơ bản giúp cho việc theo dõi và chăm sóc bệnh nhân. Module Y cơ sở 2 là sự lồng ghép tích hợp của các kiến thức Y học cơ sở với lâm sàng giúp sinh viên vận dụng được những hiểu biết qui luật chung của hoạt động và điều hòa hoạt động bình thường ở mức tế bào, các cơ quan trong duy trì hằng tính nội môi để giải thích những rối loạn chuyển hóa ở mức tế bào, cơ quan: rối loạn nước - điện giải, rối loạn thăng bằng acid-base, rối loạn thân nhiệt. Trên cơ sở đó, có thể giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc và một số yếu tố ảnh hưởng đến dược lực học của thuốc trên phụ nữ và trẻ em. Đồng thời người học thực hiện được kỹ năng: đọc, viết đúng tên thuốc theo danh pháp quốc tế. Giúp sinh viên hình thành tính tự chủ, chịu trách nhiệm trong học tập và thực hành nghề sau này, giúp sinh viên học tập suốt đời.

18. Module 4. Y học cơ sở 3

Module Y học cơ sở 3 là module bắt buộc, có 3 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 2 của chương trình đào tạo ngành hộ sinh. Module giới thiệu các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch; cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch thường gặp (quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn), đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu trúc, cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng, nguyên lý, nguyên tắc các phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng, kiểm soát bệnh nhiễm trùng, nhiễm ký sinh trùng. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện và phân tích, diễn giải kết quả một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về miễn dịch, vi sinh và ký sinh trùng cơ bản.

19. Module 5. Hệ tim mạch

Module tim mạch là một trong các module hệ cơ quan thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Module được giảng dạy vào năm 1 của chương trình hộ sinh. Nội dung của module gồm các bài giảng cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng bình thường

và điều hòa chức năng của hệ thống tuần hoàn. Dựa trên những kiến thức này sẽ giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc chăm sóc, điều trị dự phòng một số bệnh tim mạch phổ biến ở phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và trẻ sơ sinh. Bên cạnh đó, sau khi học xong module sinh viên cũng thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm, ghi điện tâm đồ.

Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,7,8,11,12,13 của ngành hộ sinh. Điều kiện để học module tim mạch là sinh viên đã học trước các module y cơ sở 1, y cơ sở 2, y cơ sở 3.

20. Module 6. Hệ hô hấp

Module Hô hấp là một trong các module hệ thống cơ quan được bố trí giảng dạy vào học kì 2 năm 1 trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Module Hô hấp mô tả cấu trúc, chức năng của hệ hô hấp, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp, thấy được mối liên hệ về chức năng giữa hệ hô hấp với hệ tim mạch và các hệ cơ quan khác; giải thích được cơ sở của các liệu pháp chăm sóc và dự phòng một số bệnh lý hô hấp thường gặp, tạo nền tảng cho các năm học tập lâm sàng và thực hành nghề nghiệp. Quá trình học module này giúp sinh viên hình thành kỹ năng tự học và học suốt đời.

Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 7, 8, 11, 12, 13 của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Điều kiện để học module hô hấp là sinh viên cần được học trước các module Khoa học cơ bản, Y cơ sở 1, Y cơ sở 2, Y cơ sở 3, Module tim mạch.

21. Module 7. Hệ tiêu hóa

Module tiêu hóa (DIG 221) có 2 tín chỉ, được dạy-học ở học kì 1 năm 2 CTĐT BSYK. Điều kiện để học module tiêu hóa là sinh viên cần được học trước các module Khoa học cơ bản, Y cơ sở 1, Y cơ sở 2, Y cơ sở 3, Module huyết học, hô hấp, tim mạch. Phần lý thuyết 27,5 tiết được chia thành 6 bài học là Lịch sử nghiên cứu hệ tiêu hóa, Đại cương hệ tiêu hóa, cấu trúc đại thể và vi thể ống tiêu hóa, chức năng-rối loạn chức năng – một số kỹ thuật thăm dò ống tiêu hóa, cấu trúc chức năng tụy và các kỹ thuật thăm dò, cấu trúc – chức năng gan và các kỹ thuật thăm dò. Phần thực hành 2,5 tiết về đại thể ống và tuyến tiêu hóa. Module tiêu hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các cơ quan trong cơ thể tham gia vào hệ tiêu hóa bao gồm cấu trúc và chức năng của các cơ quan đó trong vận động cơ học, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết và bài xuất các chất. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh lý thường gặp của hệ tiêu hóa, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tiếp theo và hành nghề sau này. Nội dung của module nhằm đáp ứng CDR2,CDR7,CDR8,CDR11,CDR12,CDR13. Phương pháp kiểm tra kiến thức: bài RAEs, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần bằng MCQ. Bài thực hành kiểm tra bằng OSCE.

22. Module 8. Hệ tiết niệu

Module hệ tiết niệu thuộc lĩnh vực cơ sở ngành được giảng dạy ở học kỳ 4 năm thứ hai cho sinh viên Cử nhân Hộ sinh. Module được giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân hộ sinh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về hình thái, cấu trúc, chức năng của thận và đường dẫn niệu, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể, nhận biết được các dạng bào chế và đặc điểm tác dụng của một số thuốc dùng trong bệnh lý hệ tiết niệu. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý của một số bệnh thường gặp trong hệ tiết niệu, giải thích được nguyên lý một số kỹ thuật, thủ thuật, đọc

được các kết quả xét nghiệm thông thường và vận dụng được hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho bệnh nhân.

23. Module 9. Hệ Da – Cơ – Xương khớp

Module Da- cơ xương khớp cung cấp cho sinh viên chương trình đào tạo hộ sinh trình độ đại học các kiến thức về cấu trúc và chức năng bình thường của hệ thống Da - cơ xương khớp cùng mạch máu, thần kinh chi phối. Những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được một số biểu hiện bình thường và bệnh lý thường gặp trên lâm sàng cũng như cơ chế tác dụng của một số loại thuốc sử dụng để điều trị và cách chăm sóc một số bệnh của hệ thống Da – Cơ xương khớp. Phần thực hành cung cấp cho sinh viên những hình ảnh bình thường và bệnh lý hệ thống Da – Cơ xương khớp minh họa cho phân lý thuyết. Phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với Elearning, thảo luận nhóm và thực hành giúp sinh viên có được những kiến thức, tạo nền tảng cho việc tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

Nội dung của Module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,7,8,11,12,13 của Chương trình đào tạo ngành y khoa.

24. Module 10. Hệ sinh sản – nội tiết

Module nội tiết – sinh sản thuộc lĩnh vực kiến thức cơ sở chuyên ngành. Module này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ nội tiết, hệ sinh sản ở người bình thường, giúp sinh viên có thể giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ nội tiết, hệ sinh sản để nhận định và thực hiện chăm sóc, giải thích được nguyên lý một số kỹ thuật, thủ thuật điều dưỡng cơ bản, đọc được kết quả các xét nghiệm thông thường, sử dụng các kiến thức về thuốc để hướng dẫn và sử dụng thuốc an toàn cho bệnh nhân. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học tập chủ động các môn học trong các năm tiếp theo, rèn luyện thái độ chuyên nghiệp và hình thành một số kỹ năng mềm giúp cho quá trình tự học suốt đời.

25. Module 11. Hệ thần kinh

Module thần kinh sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc đại thể, vi thể và hoạt động chức năng của hệ thần kinh, sự phù hợp giữa cấu trúc và chức năng. Từ đó, giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh, cũng như cơ chế tác dụng của thuốc, đặc biệt là các tác dụng phụ của thuốc để có thái độ xử trí, nguyên tắc chăm sóc, tư vấn dự phòng một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp.

Những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng giúp cho sinh viên tự học để học tập suốt đời và đáp ứng được chuẩn đầu ra 2,7,8,11,12,13 của ngành điều dưỡng. Điều kiện để học module là sinh viên cần phải được học trước các module Y cơ sở 1,2,3.

26. Học phần: Tính chuyên nghiệp 1

Học phần tính chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy ở học kỳ 3 của chương trình đào tạo. Học phần gồm có 3 phần nội dung cơ bản phần 1 là nội dung cơ bản về tính chuyên nghiệp đó là cơ sở lý luận để hình thành tính chuyên nghiệp trong y khoa, tâm lý người bệnh, đạo đức y học; phần 2 là các kiến thức để thực hiện học tập một cách chuyên nghiệp (thông qua các kỹ năng lập kế hoạch, thảo luận nhóm, thuyết trình, tư duy phản biện, biện luận lâm sàng...) cũng như đạt mục tiêu thực hành nghề nghiệp chuyên nghiệp sau này; phần 3 là các kiến thức cơ bản về các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến

sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền và các chủ đề về an toàn người bệnh, sự cố y khoa. Từ đó giúp các bác sỹ YHDP tương lai có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá bằng kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và kết thúc học phần. Phương pháp đánh giá người học là chấm điểm chuyên, tự luận hoặc MCQ. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra 8, 11, 12, 13 của chương trình đào tạo.

27. Học phần: Dịch tễ

Học phần Dịch tễ là học phần bắt buộc, được giảng dạy vào học kỳ 4 của chương trình đào tạo Hộ sinh trình độ đại học. Học phần này gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Phần lý thuyết sẽ cung cấp các nội dung kiến thức về dịch tễ học; dịch tễ học các bệnh lây, không lây; các nguyên lý và biện pháp phòng chống dịch bệnh thường gặp ở phụ nữ và trẻ em. Phần thực hành sẽ giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng xây dựng kế hoạch giám sát, tính toán một số số đo mắc bệnh, tử vong, lập kế hoạch tiêm chủng và điều tra xử lý dịch bệnh truyền nhiễm thường gặp ở phụ nữ và trẻ em. Những nội dung này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng để nâng cao năng lực bản thân, cập nhật kiến thức và phát triển kỹ năng trong thực hành nghề nghiệp của hộ sinh. Học phần Dịch tễ đáp ứng các chuẩn đầu ra 2,7,8,11,12,13 của chương trình đào tạo Hộ sinh đại học

28. Học phần: Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và sau sinh

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò của dinh dưỡng và an toàn thực phẩm đối với sức khỏe của bà mẹ mang thai và sau sinh. Đồng thời học phần này cũng trang bị cho người học về vai trò của các chất dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm thông dụng đối với sức khỏe và kiến thức về một số bệnh lý liên quan và phương pháp truyền thông dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sau sinh. Song hành với lý thuyết là nội dung thực hành, phần này sẽ bồi dưỡng cho người học những kỹ năng quan trọng trong đánh giá và tính khẩu phần, xây dựng thực đơn cũng như lựa chọn thực phẩm an toàn cũng như chế biến bữa ăn cân đối, hợp lý cho bà mẹ mang thai và sau sinh.

29. Học phần: Sức khỏe môi trường – Truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe

Học phần Sức khỏe môi trường - Truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe được dạy/học vào kỳ 1 của năm thứ 3 cho đối tượng sinh viên ngành Cử nhân Hộ sinh. Học phần này bao gồm 3 tín chỉ: 2 lý thuyết và 1 thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các khoa học môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và truyền thông giáo dục sức khỏe. Tăng cường các kỹ năng chăm sóc sức khỏe lao động, môi trường và hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe cho cá nhân cán bộ y tế và cộng đồng, đáp ứng được chuẩn năng lực của người Hộ sinh, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,7,8,11,12,13. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một cán bộ Hộ sinh tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc làm sau này của người CBYT. Học phần này góp phần xây dựng các năng lực cần thiết của Cử nhân Hộ sinh theo yêu cầu của Bộ Y tế.

30. Học phần Quản lý điều dưỡng

Học phần Quản lý Điều dưỡng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Hộ sinh, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực quản lý

chăm sóc điều dưỡng – hộ sinh. Giúp sinh viên hiểu được hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam, đặc biệt là ngành Điều dưỡng – Hộ sinh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khoa học quản lý, cách giải quyết vấn đề sức khỏe, cách quản lý đào tạo liên tục cho nhân viên điều dưỡng – hộ sinh. Rèn sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình. Luyện cho sinh viên có đức tính trung thực, đạo đức nghề nghiệp, khách quan trong công việc; tôn trọng, chân thành và hợp tác với đồng nghiệp; có ý thức tự học và phát triển nghề nghiệp; tuân thủ thực hành nghề nghiệp theo qui định pháp luật.

31. Học phần Điều dưỡng cơ bản

Học phần Điều dưỡng cơ bản thuộc khối kiến thức chuyên ngành Hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ I năm thứ 3 nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, chuẩn bị, tiếp nhận người bệnh, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên có thái độ đúng mực với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp, có trách nhiệm trong mọi công việc được giao. Điều kiện để học học phần này là sinh viên cần được học trước các học phần như Giải phẫu, Sinh lý. Học phần được giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 4, 5, 7, 8, 11, 12, 13 của Chương trình đào tạo Cử nhân Hộ sinh.

32. Học phần Huấn luyện kỹ năng Hộ sinh

Học phần Huấn luyện Kỹ năng Hộ sinh có 3 tín chỉ được dạy- học ở học kỳ 2 năm thứ ba CTĐT CNĐD Hộ sinh. Học phần này yêu cầu sinh viên cần học trước các học phần: Module 2. Y học cơ sở 1, Modul 3. Y học cơ sở 2, Tính chuyên nghiệp 1. Học phần không dạy lý thuyết, chỉ thực hành gồm 18 bài học kỹ năng chuyên ngành Hộ sinh nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản của người Hộ sinh: kỹ năng giao tiếp cơ bản với người bệnh, người nhà người bệnh, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ; kỹ năng thăm khám: khám vú, khám phụ khoa, kỹ năng khám và chăm sóc trẻ sơ sinh, một số kỹ thuật hộ sinh và điều dưỡng cơ bản: kỹ thuật đặt mỏ vịt lấy bệnh phẩm làm tế bào âm đạo, theo dõi chuyển dạ bằng biểu đồ, theo dõi thai bằng monitoring, đo chiều cao tử cung – vòng bụng – nghe tim thai, đỡ đẻ thường ngôi chòm, cắt khâu tầng sinh môn, xử trí tích cực giai đoạn 3, đặt dụng cụ tử cung, hút thai bằng bơm hút chân không, hồi sức trẻ sơ sinh và kỹ thuật thông tiêu, rửa bàng quang, thay băng rửa vết thương. Học phần này học trước học phần thực hành lâm sàng năm 4. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 4, CĐR 8, CĐR 11, CĐR 12, CĐR 13 ở (mức độ cao). Lượng giá người học thường xuyên bằng bảng kiểm và thi kết thúc học phần bằng OSCE.

33. Học phần Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng

Học phần chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng gồm 02 tín chỉ (0/2) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ . Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và áp dụng những kiến thức và kỹ năng của những học phần trước thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và chuyên ngành hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Trọng tâm của học phần này là việc vận dụng 5 bước của quy trình chăm sóc cộng đồng (nhận định, chẩn đoán, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá) vào chăm sóc một số vấn đề sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Ngoài ra, học phần này giúp cho các sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng chuyên môn tại trạm y tế xã; đồng thời có cơ hội rèn luyện, nâng cao các kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, làm việc độc lập, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tại cộng đồng. Các khóa học tiên quyết không có, và học phần học trước là chăm sóc phụ nữ trước sinh, chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ, điều dưỡng cơ bản, dịch tễ, huấn luyện kỹ năng hộ sinh. Học phần này được giảng dạy

trong 3 tuần tại các trạm y tế xã. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 4, 8, 11, 12, 13 của CTĐT. Phương pháp kiểm tra, lượng giá học phần bằng các hình thức: thực hành các chỉ tiêu tại cộng đồng được sử dụng để lượng giá, viết báo cáo cá nhân/nhóm, vấn đáp.

34. Module Sản 1: Chăm sóc phụ nữ trước sinh

Học phần này có 4 tín chỉ, bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về sinh lý phụ khoa, cơ chế thụ thai, thay đổi giải phẫu sinh lý người phụ nữ khi có thai, các thai nghén nguy cơ.. những kiến thức này giúp sinh viên nhận định và chẩn đoán theo dõi được một quy trình thai nghén và phát hiện một số biểu hiện bất thường trong quá trình mang thai. Những kiến thức về chẩn đoán và xử trí cho trường hợp bệnh lý và thai có nguy cơ. Từ đó lập được kế hoạch theo dõi và chăm sóc trong quá trình mang thai và thai nghén nguy cơ. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.

35. Module Sản 2: Chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ

Học phần chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ có 4 tín chỉ, bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành, được dạy học ở học kỳ 2 năm thứ ba. Học phần này có học phần tiên quyết là học phần “chăm sóc phụ nữ khi mang thai”. Phần lý thuyết gồm 2 tín, bao gồm 14 bài giảng lý thuyết được giảng trong 20 tiết giảng lý thuyết và 20 tiết thảo luận. Phần thực hành cũng gồm 2 tín, bao gồm 12 bài giảng trong 90 tiết. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về sinh lý chuyển dạ đẻ, cơ chế đẻ... những kiến thức này giúp sinh viên nhận định và tiên lượng được một cuộc chuyển dạ đẻ thường và phát hiện một số biểu hiện bất thường trong chuyển dạ đẻ. Những kiến thức về chẩn đoán và xử trí cho chuyển dạ đẻ thường và đẻ có nguy cơ. Từ đó lập được kế hoạch theo dõi và chăm sóc trong chuyển dạ cho một cuộc chuyển dạ đẻ thường và đẻ có nguy cơ. Các kiến thức khi học học phần này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời. Phương pháp lượng giá với phần lý thuyết là câu hỏi trắc nghiệm MCQ, với phần thực hành là thi bảng kiểm.

36. Module Sản 3: Chăm sóc sau sinh

Module chăm sóc sau sinh gồm 4 tín chỉ (02/02) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ 3, nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về những thay đổi giải phẫu, sinh lý người phụ nữ ở giai đoạn sau sinh. Đồng thời giúp sinh viên phát triển kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc theo quy trình điều dưỡng cho sản phụ sau sinh và trẻ sơ sinh. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành một số các thủ thuật sản phụ khoa, kỹ năng cấp cứu, chăm sóc trẻ sơ sinh và nâng cao năng lực tư vấn giáo dục sức khỏe cho sản phụ sau sinh. Bên cạnh đó module này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập. Các khóa học tiên quyết là Module Y học cơ sở 1, và học phần học trước là chăm sóc phụ nữ trước sinh, chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ. Module này được giảng dạy trong 4 tuần tại bệnh viện thực hành. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 4, 5, 8, 11, 12, 13 của CTĐT. Phương pháp kiểm tra, lượng giá học phần bằng các hình thức: MCQ, thực hành kỹ thuật với bảng kiểm được sử dụng để lượng giá, viết báo cáo cá nhân/nhóm, vấn đáp.

37. Module Sản 4: Sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên

Học phần chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên có 3 tín chỉ (1/2) được dạy chủ yếu ở kỳ 6 năm thứ 3 CTĐT Hộ sinh đại học. Học phần này liên quan với các

học phần của sản khoa khác. Phần lý thuyết bao gồm có 8 bài đặc trưng cho 2 vấn đề then chốt, là những thay đổi giải phẫu, sinh lý và những thay đổi tâm sinh lý ở tuổi vị thành niên, thanh niên và vấn đề liên quan đến chăm sóc và tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên. Phần thực hành gồm 2 tín chỉ được chia làm 9 bài học.

Học phần chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và những thay đổi tâm sinh lý ở tuổi vị thành niên, thanh niên, giúp sinh viên giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp ở độ tuổi vị thành niên, thanh niên. Đồng thời giúp cho sinh viên có những kỹ năng cần thiết trong tư vấn chăm sóc các vấn đề về sức khỏe sinh sản cho đối tượng vị thành niên, thanh niên. Ngoài ra sinh viên còn nhận thức được tầm quan trọng của công tác tư vấn về sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên, thanh niên. Các kiến thức có được khi học xong học phần cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học tiếp các môn học ở những năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.

Học phần này nhằm đáp ứng các CĐR 2, 4, 5, 8, 11, 12, 13 với yêu cầu mức độ trung bình. Phương pháp viết tự luận, trắc nghiệm khách quan, chấm báo cáo nhóm được sử dụng để lượng giá người học.

38. Module Sản 5: Phụ khoa, tiền mãn kinh, mãn kinh

Học phần Module Sản 5 sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về phụ khoa. Những kiến thức này giúp sinh viên giải thích sinh lý, cơ chế từ đó nhận diện được các bệnh lý của người phụ nữ liên quan đến sức khỏe sinh sản. Các kiến thức khi học học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người hộ sinh tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần này có 04 tín chỉ, được dạy/học ở học kỳ 6 năm thứ 3 trong CTĐT, HP này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 7, 8, 11, 12, 13.

39. Module Sản 6: Sức khỏe tâm thần ở phụ nữ trong thời kỳ sinh sản

Học phần Sức khỏe tâm thần ở phụ nữ được thiết kế 02 tín chỉ, bao gồm 01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ 8 năm thứ 4. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 8, 11, 12, 13 thuộc chương trình đào tạo. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần tiên quyết bao gồm các học phần Y cơ sở 1,2,3 và các học phần học trước là Sản 1. Thông qua học phần này, sinh viên có khả năng phát hiện các vấn đề tâm lý, tâm thần ở phụ nữ giai đoạn mang thai, trong và sau sinh; lập kế hoạch theo dõi, chăm sóc và tư vấn các vấn đề tâm lý, tâm thần cho sản phụ và gia đình sản phụ. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần: Hoàn thành 01 bài kiểm tra thường xuyên lấy điểm hệ số 1, 01 bài thi thực hành hệ số 2 và bài thi kết thúc học phần hệ số 3. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường bộ môn với phương pháp giảng dạy tích cực. Học thực hành tại Khoa Sản và Khoa Tâm bệnh Bệnh viện trung ương Thái Nguyên 5 buổi/ 1 tuần.

40. Module Sản 7: Dân số - KHHGD

Học phần Dân số - Kế hoạch hóa gia đình có 4 tín chỉ, được dạy ở học kỳ 7 (kỳ 1 năm thứ 4). Học phần được học sau khi sinh viên đã học qua các module sản 1, sản 2, sản 3, sản 4, sản 5.. Phần lý thuyết gồm 7 bài giảng lý thuyết được phân bố trong 20 tiết giảng và thảo luận. Phần thực hành gồm 11 bài được phân bố trong 40 tiết thực hành, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, đi buồng.

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về dân số và nhân khẩu học của Việt Nam; Những biện pháp tránh thai được xây dựng trên cơ sở sinh lý sinh sản đã được dạy trong các module sản 1 – 5; Kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh

sản, tư vấn kế hoạch hóa gia đình để đáp ứng các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản ở cộng đồng. Sinh viên có những buổi thực hành trên mô hình để có thể thực hiện được một số thủ thuật của dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

41. Module Sản 8: Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi

Học phần Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi gồm 4 tín chỉ (1/3) được dạy ở học kỳ I năm thứ 4 trong thời gian 6 tuần. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 8, 11, 12 và 13 thuộc chương trình đào tạo. Đây là học phần bắt buộc, để học được học phần này điều kiện tiên quyết sinh viên phải học qua học phần chăm sóc phụ nữ sau sinh. Sinh viên có thể học song hành với các học phần sản 4, sản 5, sản 6, sản 7, sản 9. Phần lý thuyết 1 tín chỉ gồm 6 bài. Phần thực hành gồm 3 tín chỉ được chia thành 3 phần: đánh giá tăng trưởng và phát triển của trẻ, đánh giá phân loại, điều trị, chăm sóc trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi và đánh giá phân loại, điều trị, chăm sóc trẻ bệnh từ 0-2 tháng tuổi. Học phần này cung cấp cho người học về sự phát triển của trẻ qua các thời kỳ, chương trình tiêm chủng mở rộng, sử dụng thuốc trong nhi khoa và chiến lược chăm sóc, xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành các kỹ năng đánh giá về tăng trưởng và phát triển của trẻ, đánh giá, phân loại, điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi, thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa, tham vấn cho các bà mẹ về cách chăm sóc, nuôi dưỡng và theo dõi trẻ tại nhà. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại các bệnh viện thực hành. Sinh viên tham gia trực tối thiểu 1 tuần / buổi. Phương pháp trắc nghiệm khách quan, bảng kiểm, báo cáo cá nhân được dùng để lượng giá người học.

42. Module Sản 9: Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con

Học phần Chăm sóc các bệnh lây truyền từ mẹ sang con thuộc chương trình giảng dạy chuyên ngành hộ sinh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan về bệnh học và chăm sóc các bệnh lây truyền từ mẹ sang con thường gặp. Học phần này giúp cho sinh viên có kỹ năng phát hiện và áp dụng được các quy trình điều dưỡng vào chăm sóc các bệnh lây truyền từ mẹ sang con thường gặp. Đồng thời, học phần này cũng giúp cho sinh viên có ý thức tự chủ - tự chịu trách nhiệm trong chăm sóc người bệnh toàn diện. Bên cạnh đó, sinh viên được phát huy tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp.

43. Học phần: Thực hành sản phụ khoa 1

Học phần Thực hành sản phụ khoa 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở năm thứ 3. Để học được học phần này sinh viên cần phải hoàn thiện các học phần tiên quyết gồm module sản 1 và module sản 2. Nội dung học phần này nhằm giúp cho sinh viên thực hành các kỹ năng lâm sàng cơ bản trong chăm sóc thai phụ trong quá trình mang thai và khi chuyển dạ. Đồng thời giúp sinh viên nâng cao năng lực về nhận định chăm sóc, chẩn đoán chăm sóc, kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc thai phụ ở giai đoạn mang thai và khi chuyển dạ. Bên cạnh đó học phần này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập cũng như chăm sóc người bệnh.

44. Học phần: Thực hành sản phụ khoa 2

Module sản phụ khoa 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ 2 năm thứ 4, nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về chăm sóc bà mẹ và trẻ sau sinh, phụ nữ mắc bệnh phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời giúp sinh viên nâng cao năng lực về nhận định chăm sóc, chẩn đoán chăm sóc, lập kế hoạch

chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc bà mẹ và trẻ sau sinh, phụ nữ mắc bệnh phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình. Bên cạnh đó học phần này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập cũng như chăm sóc người bệnh.

45. Học phần: Phục hồi chức năng

Học phần phục hồi chức năng, với 2 tín chỉ, bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ 8 năm thứ 4. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 6, 8, 11, 12, 13 thuộc chương trình đào tạo. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần tiên quyết bao gồm các học phần Y cơ sở 1,2,3. Thông qua học phần này, sinh viên có khả năng lập kế hoạch chăm sóc PHCN và thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản cho bệnh nhân sản khoa. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần: Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường bộ môn với phương pháp giảng dạy tích cực. Học thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện trung ương Thái Nguyên 5 buổi/ 1 tuần

46. Học phần: Y học cổ truyền

Học phần Y học cổ truyền thuộc chương trình giảng dạy chuyên ngành hộ sinh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến vấn đề chăm sóc sức khỏe thai phụ và sản phụ theo phương pháp y học cổ truyền. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp cho sinh viên năng lực vận dụng kiến thức Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại và ý thức tự chủ - tự chịu trách nhiệm trong chăm sóc người bệnh toàn diện. Bên cạnh đó, sinh viên được phát huy tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp.

47. Học phần: Hồi sức cấp cứu

Học phần hồi sức cấp cứu gồm 2 tín chỉ, được học tại học kỳ cuối của chương trình, điều kiện tiên quyết là các học phần cơ sở ngành và huấn luyện kỹ năng. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hành xử trí ban đầu, chăm sóc có hiệu quả, có tính chuyên nghiệp đối với một số cấp cứu nội khoa thường gặp ở phụ nữ và sản phụ. Nội dung học phần là 7 chủ đề cấp cứu nội khoa thường gặp. Để học có hiệu quả sinh viên cần đọc trước kiến thức bệnh học: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc...trong tài liệu do nhóm giảng viên biên soạn, sinh viên tự trả lời các câu hỏi đã có sẵn trong tài liệu hướng dẫn học tập, lên lớp đầy đủ tham gia tích cực hoạt động thảo luận ca lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được thực hành lâm sàng như hỏi bệnh, khám bệnh, thảo luận ca bệnh, tham gia hồi sức bệnh nhân tại một số phòng cấp cứu của bệnh viện vào buổi sáng các ngày trong tuần, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên, bác sĩ bệnh viện

48. Học phần Bệnh học

- Mô tả học phần: Học phần bệnh học có mã số PAT221 gồm 2 tín chỉ, được học tại học kỳ 4 của chương trình, điều kiện tiên quyết là các học phần huấn luyện kỹ năng. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tiếp cận phụ nữ, sản phụ mắc một số bệnh nội khoa thường gặp, như kỹ năng hỏi, khám bệnh qua đó có khả năng lập luận chẩn đoán và ra quyết định chăm sóc có hiệu quả, có tính chuyên nghiệp đối với một số bệnh nội khoa thường gặp ở phụ nữ và sản phụ. Nội dung học phần có 7 chủ đề bệnh học nội khoa thường gặp. Để học có hiệu quả sinh viên cần đọc trước kiến thức bệnh học: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc...trong tài liệu do nhóm

giảng viên biên soạn, sinh viên tự trả lời các câu hỏi đã có sẵn trong tài liệu hướng dẫn học tập, lên lớp đầy đủ tham gia tích cực hoạt động thảo luận ca lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được thực hành lâm sàng như hỏi bệnh, khám bệnh, thảo luận chẩn đoán, chăm sóc ca bệnh, tham gia thực hành chăm sóc, đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhân tại một số phòng bệnh của bệnh viện, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên, bác sĩ bệnh viện.

49. Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Học phần thực tế tốt nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần khác của chương trình hộ sinh. Học phần này bao gồm 4 tín chỉ, thực hành trong 8 tuần. Sinh viên được thực tế tại khoa phụ sản của bệnh viện thực hành. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng với mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Qua đó, học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện tính độc lập, tính chịu trách nhiệm trước các quyết định về thực hành lâm sàng của mình. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp cho từng trường hợp cụ thể, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 của chương trình đào tạo ngành Hộ sinh. Kết quả học thực hành được thể hiện qua sổ chỉ tiêu, kế hoạch chăm sóc, báo cáo nhóm. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tế.

50. Học phần: Dinh dưỡng tiết chế

Đây là học phần tự chọn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng tiết chế: Vai trò và nguyên tắc của dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện, dinh dưỡng tiết chế trong điều trị và chế độ ăn trong một số bệnh lý thường gặp ở bà mẹ mang thai và sau sinh, một số hình thức ngộ độc thực phẩm thường gặp và phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Song hành với học phần lý thuyết là phần thực hành, sinh viên có khả năng xác định được nhu cầu năng lượng, từ đó lựa chọn được chế độ ăn hợp lý, và xây dựng được chế độ ăn bệnh lý đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp cho bà mẹ khi mang thai.

51. Học phần: Kiểm soát nhiễm khuẩn

Học phần kiểm soát nhiễm khuẩn gồm 2 tín chỉ (01/01) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ 4. Học phần tiên quyết là học phần Vi sinh. Phần lý thuyết 1 tín chỉ được chia thành 7 bài, phần thực hành 1 tín chỉ được chia thành 6 chủ đề. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiễm khuẩn bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, phòng ngừa chuẩn. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, kỹ năng phòng ngừa được các bệnh nhiễm quan trọng. Rèn tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với nhân viên y tế để triển khai các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện, chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn. Học phần này đáp ứng CDR 2, 4, 11, 12, 13 (mức độ trung bình). Phương pháp viết tự luận, case study, chắm kế hoạch chăm sóc, chỉ tiêu lâm sàng, kỹ thuật điều dưỡng, báo cáo nhóm, vấn đáp với bảng kiểm để lượng giá người học.

52. Học phần: Tin học ứng dụng

Đây là học phần tự chọn. Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức các học phần tự chọn ngành Hộ sinh. Học phần này giúp cho sinh viên thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học dựa trên bằng chứng để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng. Sinh viên sẽ được cung

cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản trong thống kê và sử dụng phần mềm Epi Data 3.1, SPSS 25. Đây là một trong các phần mềm thống kê được WHO khuyến cáo sử dụng, được ứng dụng rộng rãi trong khoa học xã hội và y tế với các nội dung cơ bản: cài đặt, tạo form nhập liệu, quản lý lưu trữ dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu, phân tích dữ liệu cơ bản như phân tích thống kê mô tả, tạo các bảng dữ liệu, vẽ biểu đồ, so sánh và các ứng dụng cơ bản khác.

53. Học phần: Tổ chức y tế – Các chương trình y tế quốc gia

Đây là học phần tự chọn. Học phần Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia gồm các nội dung cơ bản: Tổ chức quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia. Những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và giúp cho sinh viên tự học suốt đời. Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản. Phần chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức chung, tổng quát về hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia. Đây là cơ sở để sinh viên có thể học tập tốt các học phần Truyền thông, giáo dục sức khỏe, Dịch tễ học hay một số học phần khác.

54. Học phần: Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa

Học phần chăm sóc bệnh nhân ung thư vú, phụ khoa là học phần tự chọn, gồm 2 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được dạy trong học kỳ I năm thứ 4. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 4, 8, 11, 12, 13 thuộc chương trình đào tạo ngành Hộ sinh. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần y học cơ sở, học qua môn Điều dưỡng cơ bản, thực hành sản phụ khoa 1, thực hành sản phụ khoa 2. Sinh viên sẽ được học lý thuyết với nội dung là những kiến thức những kiến thức cơ bản về chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh ung thư vú, phụ khoa thường gặp. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 3 buổi. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại Trung tâm Ung bướu- Bệnh viện TW Thái Nguyên. Học lâm sàng các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 (5 buổi/ tuần). Sinh viên được hướng dẫn kỹ năng về nhận định chăm sóc, chẩn đoán chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc người bệnh mắc các bệnh ung thư vú, phụ khoa thường gặp. Bên cạnh đó học phần này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, tư vấn, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập cũng như chăm sóc người bệnh. Vào mỗi buổi sáng học lâm sàng, sinh viên sẽ tham gia đi buồng đội với các bác sĩ và nhân viên y tế tại khoa sinh viên thực tập, sau đó sinh viên sẽ được giao ban đầu giờ do các tua trực báo cáo. Mỗi tuần sinh viên sẽ có một buổi giảng dạy bên giường bệnh, một buổi thảo luận ca bệnh và một buổi bình chế độ chăm sóc. Sinh viên có trách nhiệm đọc trước các bài theo lịch giảng của bộ môn và tham gia thường trực tối thiểu 1 buổi/tuần, từ 19 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng hôm sau vào các ngày thường và chia 2 ca vào các ngày nghỉ (07 giờ-19 giờ và 19 giờ đến 07 giờ ngày hôm sau). Sau mỗi buổi trực sinh viên phải chuẩn bị bệnh nhân báo cáo trong buổi giao ban hôm sau. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại Trung tâm Ung bướu dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

55. Học phần: Vô sinh

Đây là học phần tự chọn. Học phần có 2 tín chỉ, bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về vô sinh đại cương... những kiến thức này giúp sinh viên nhận định, tiên lượng được một số nguyên nhân cũng như các yếu tố thuận lợi dẫn đến vô sinh và phát hiện một số biểu hiện bất thường trong quá trình điều trị. Những kiến thức về chẩn đoán và xử trí các trường hợp thụ tinh nhân tạo (IUI), thụ tinh trong ống nghiệm (IVF). Từ đó lập được kế hoạch theo dõi và chăm sóc trong điều trị vô sinh, hiếm muộn. Các kiến thức khi học module này sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Nhà trường có 43 giảng viên tham gia giảng dạy các học phần/module chuyên ngành và các giảng viên giảng dạy các học phần/module đại cương và cơ sở ngành, trong đó có, 03 phó giáo sư, 8 tiến sĩ và 42 giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, học thực hành tại các bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên và thực tập tại các phòng thí nghiệm. Ngoài ra, người học còn được học thực hành tại các trạm y tế xã phường và cộng đồng; tham gia thực tập tốt nghiệp tại các Bệnh viện tuyến huyện, tỉnh và trung ương.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 2021

XV. Tiến trình cập nhật

TTT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1				

XVI. Thành phần phê duyệt

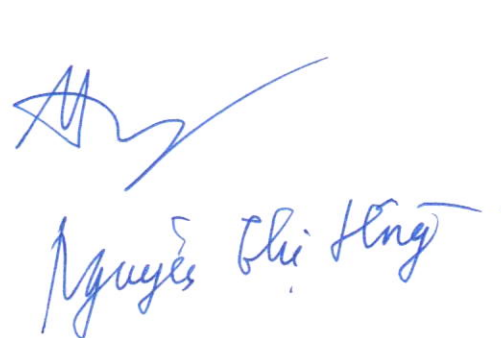
Chủ tịch HĐ Khoa học - Đào tạo

(Ký, ghi rõ họ tên)



Tổ xây dựng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hằng